

Tu để quán chiếu sự không có tự tính chứ không phải để thay đổi tự tính

ISSN: 2734-9195 08:45 18/03/2025

Khổ đau không phải do cảnh, vì nếu do cảnh thì cảnh vô tri có tự tính là khổ đau; khổ đau không phải do tâm, vì nếu thế tâm cụ thể có bản ngã là khổ đau; nếu thật như vậy, tu không giải quyết được vấn đề.

Phần I. Kinh Tương ưng bộ, Phần Bốn: Năm mươi kinh thứ tư, III. Phẩm biến, Bài V

"Tôn giả Mahà Kotthika nói với Tôn giả Sariputta:

Thưa Hiền giả, có phải con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt?... Có phải ý là kiết sử của các pháp hay các pháp là kiết sử của ý?

- Này Hiền giả Kotthika, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Ví như, này Hiền giả, một con bò đen và một con bò trắng bị cột lại bởi sợi dây hay cái ách. Nếu có người nói con bò đen là kiết sử của con bò trắng, hay con bò trắng là kiết sử của con bò đen, thời nói vậy có phải nói một cách chân chính không?

Thưa không.

- Này Hiền giả, con bò đen không phải là kiết sử của con bò trắng. Và con bò trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đen. Do sợi dây hay cái ách cột lại, cái ấy ở đây là kiết sử. Này Hiền giả, cũng vậy, con mắt cũng không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

- Nay Hiền giả, nếu con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt, thời Phạm hạnh này đưa đến chân chính đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố. Vì rằng, nay Hiền giả, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc cũng không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy, Phạm hạnh này đưa đến chân chính đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố... Nay Hiền giả, nếu ý là kiết sử của các pháp, hay các pháp là kiết sử của ý, thời Phạm hạnh này đưa đến chân chính đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố.

Vì rằng, ý không phải là kiết sử của các pháp, hay các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy, Phạm hạnh này đưa đến chân chính đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố.

Nay Hiền giả, Thế Tôn có mắt. Với con mắt, Thế Tôn thấy sắc. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn... Nay Hiền giả, Thế Tôn có ý. Với ý, Thế Tôn biết pháp. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn."



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Phần II. Luận giải đoạn kinh

1. Kiết sử (Saṃyojana)

Kiết sử (Saṃyojana) là những trói buộc, ràng buộc tâm thức khiến chúng sinh bị kẹt trong vòng luân hồi, không thể giải thoát khỏi sinh tử. Thuật ngữ saṃyojana trong tiếng Pāli/ Sanskrit có nghĩa là “sợi dây trói” hay “cái còng” (bond, fetter).

Trong Phật giáo, kiết sử ám chỉ những phiền não vi tế hoặc thô phù ràng buộc con người vào vòng sinh tử luân hồi.

“Kiết” (saṃ) có nghĩa gốc là trói buộc, cột chặt, ràng buộc. Trong ngữ cảnh Phật học, “kiết” ám chỉ sự ràng buộc tâm thức vào luân hồi. “Sử” (yojana) có nghĩa gốc là sai khiến, thúc đẩy, điều khiển. Trong ngữ cảnh Phật học, “sử” là những yếu tố khiến tâm bị điều khiển, thúc đẩy hành động sai lầm theo vô minh. “Kiết sử” ghép lại chính là “trói buộc và sai khiến”, trong các tài liệu đơn thuần, chúng ta hay bắt gặp từ dịch tạm là “phiền não”. Thực tế từ phiền não không hoàn toàn thay thế cho từ kiết sử nhưng vẫn có thể tạm hiểu là như vậy để phân tích đoạn kinh trên.

2. Phiền não không phải do tâm, không phải do cảnh.

Trong đoạn kinh có một ý như sau mà chúng ta cần quán sát thực sự kĩ lưỡng:

“... nếu con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt, thời Phạm hạnh này đưa đến chân chính đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố...”

Chúng ta cùng phân tích theo từng vế, bắt đầu với vế 1

Nếu con mắt là kiết sử, ta đang khẳng định con mắt chính là phiền não. Và con mắt nếu thực là phiền não như vậy, thì thực hành Phạm hạnh không thể đưa đến chân chính sự đoạn tận khổ đau, bởi lẽ tự tính đã là phiền não rồi thì làm sao thay đổi được tự tính đó? Ví dụ như tay có cái đặc thù để cầm nắm và chân thì để đi, làm sao chúng ta có thể thay đổi cái tính đó thành chân để cầm nắm và tay để đi được.

Vì vậy, thuyết này là sai sự thật. Trong các bài kinh khác thuộc Tương ưng bộ kinh, đức Phật đều tập trung giảng về “Mắt là vô thường”, vốn dĩ mắt là để phát hiện sắc cảnh chứ không có cái tự thể là phiền não. Mắt không tự tính.

Vế 2: Cảnh vật không phải phiền não

Thuyết cảnh sắc tạo ra dục tham đã có từ thời trước khi có đạo Phật. Bởi lẽ đó, mà một số trường phái tôn giáo khác, trong đó có một bộ phận người theo đạo Kỳ Na thời kỳ đó, họ không mặc gì, đứng dưới nắng. Một trong những mục đích hành trì phương pháp này, bởi họ coi vật chất, ngoại cảnh chính là tham ái, là nguyên nhân khổ đau.

Nhưng vật chất, ngoại cảnh thì vô ký tính, không có cảm xúc, không có nội tâm, ... tóm lại là những đồ vật, cảnh sắc vô tri. Đã vô tri thì làm sao có cái tự tính là phiền não được. Chính do cách hiểu sai bản chất vấn đề, mà dẫn tới cách thực

hành phương pháp tu sai. Không mặc quần áo và đứng dưới nắng, không giải quyết vấn đề gì cho con người, tâm vẫn tham, mà cảnh vật vẫn thế.

Và nếu chấp vào thuyết nào, việc thực hiện Phạm hạnh cũng là vô nghĩa, vì tự tính của cảnh sắc đã là phiền não, thì cứ nhìn thấy là sẽ phiền não, như thế thì tu không để làm gì. Tu không phải là cách để thay đổi tự tính của mắt hay của cảnh, mà tu là để quán chiếu và biết rằng chúng không có tự tính.

3. Hiểu đúng về phiền não

Phiền não là dục tham, dục tham nương nhờ mắt gặp cảnh vật mà được hiện hữu. Khi đã hiện hữu rồi, ý thức con người chấp vào nó, nên nó mới “có”. Thập nhị nhân duyên được thuyết như sau: ... *lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu*,...

Cũng với con mắt đó, nhưng dục tham không còn khởi lên nơi Thế Tôn nữa, nên Ngài mới giải thoát được nội tâm. Cũng tương tự vậy, khổ đau không phải do cảnh, vì nếu do cảnh thì cảnh vô tri có tự tính là khổ đau; khổ đau không phải do tâm, vì nếu thế tâm cụ thể có bản ngã là khổ đau; nếu thật như vậy, tu không giải quyết được vấn đề.

Tham ái, chấp thủ, khổ đau, ... tất cả hành tướng tương tự đều nương vào giác quan gặp đối tượng của nó mà khởi lên.

Lời kết

Điểm hay và khác biệt của đạo Phật với các tôn giáo cổ Ấn Độ đó chính là cách mà đức Phật trực nhận thực tại để có cách hành trì phù hợp. Ngài dạy đệ tử quán tâm để thấy nó vô thường và thực hành xả ly, khi đã xả ly rồi thì tham ái, khổ đau lấy đâu điểm tựa mà được khởi lên.

Tu hành là để quán chiếu sự không có tự thể cố định, chứ không phải thay đổi cái tự tính mà muốn quán chiếu được sự thật không có tự tính thì phải có trí tuệ và ý thức.

Ý dẫn đầu các pháp là đây?

Cư sĩ Phúc Quang

Tài liệu: Kinh Tương ưng bộ, Phần Bốn: Năm mươi kinh thứ tư, III. Phẩm biển, Bài V, Dịch giả: HT.Thích Minh Châu